TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2024/QĐST-DS	*K, ngày 02 tháng 01 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25/12/2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 67/2023/TLST-DS ngày 06/12/2023 về việc "***Kiện đòi tài sản***".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1995.

Nơi thường trú: Thôn K1, xã C, huyện C1, tỉnh H1.

- ***Bị đơn***: Anh Đỗ Đình P, sinh năm 1980.

Nơi thường trú: Thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về công nợ: Tính đến hết ngày 25/12/2023 (dương lịch), anh P còn nợ anh T số tiền từ việc mua thức ăn chăn nuôi (cám gà, vịt) và vịt giống tổng là 75.287.000đ (Bẩy mươi năm triệu, hai trăm tám mươi bẩy nghìn đồng).

2.2. Phương án trả nợ: Chậm nhất trong thời hạn 01 năm (tức chậm nhất đến ngày 31/12/2024 - tính theo dương lịch) anh P phải có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc 75.287.000đ cho anh T (đối với tiền lãi từ thời điểm mua, bán đến nay anh T không yêu cầu), phương án trả nợ cụ thể như sau:

+, Lần 1: Chậm nhất là đến ngày 31/01/2024 (dương lịch) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 2: Chậm nhất là đến ngày 29/02/2024 (dương lịch) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 3: Chậm nhất là đến ngày 31/3/2024 (dương lịch) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 4: Chậm nhất là đến ngày 30/4/2024 (dương lịch) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 5: Chậm nhất là đến ngày 31/5/2024 (dương lịch) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 6: Chậm nhất là đến ngày 30/6/2024 (dương lịch) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 7: Chậm nhất là đến ngày 31/7/2024 (dương lịch)) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đồng (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 8: Chậm nhất là đến ngày 31/8/2024 (dương lịch) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 9: Chậm nhất là đến ngày 30/9/2024 (dương lịch) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 10: Chậm nhất là đến ngày 31/10/2024 (dương lịch) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 11: Chậm nhất là đến ngày 30/11/2024 (dương lịch) anh P phải trả anh T số tiền là 6.300.000đ (Sáu triệu ba trăm nghìn đồng);

+, Lần 12: Chậm nhất là đến ngày 31/12/2024 (dương lịch) anh P phải thanh toán trả anh T toàn bộ số tiền còn nợ lại.

Trường hợp anh P vi phạm phương án, thời hạn trả nợ một trong các lần như đã thỏa thuận trên thì anh T có quyền yêu cầu thi hành án đối với toàn bộ số tiền còn nợ lại trên tổng số nợ. Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ nếu anh P không trả tiền nợ trên thì anh P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh T, bị đơn anh P thống nhất: Bị đơn anh P có trách nhiệm chịu 100% án phí dân sự. Cụ thể như sau:

- Nguyên đơn anh Nguyễn Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Được hoàn trả lại số tiền 1.890.000đ *(Một triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0001071 ngày 06/12/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

- Bị đơn anh Đỗ Đình P phải chịu 1.882.000đ *(Một triệu tám trăm tám mươi hai nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận***: **Thẩm phán**

- Đương sự;
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Tiến Tr